

Số: 145/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 09 tháng 4 năm 2018

SỞ CÔNG THƯƠNG GIA LAI

ĐẾN Số: .....  
Ngày: 11/4 .....  
Chuyển: P.16H .....  
Lưu hồ sơ số: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tại Tờ trình số 48/TTr-CTK ngày 09 tháng 3 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục Thống kê; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các cơ quan và tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Tổng cục Thống kê - Bộ KH&ĐT;
- TTr Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Hoàng**

## **QUY CHẾ**

### **Phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-UBND*

*ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế phổ biến thông tin thống kê này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, đối tượng, nội dung, phương thức, thời gian và phương thức phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### **Điều 2. Mục đích, yêu cầu**

##### **1. Mục đích**

- Nâng cao hiểu biết pháp luật của đội ngũ công chức và người lao động trong ngành thống kê; nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật về thống kê, kiến thức thống kê của các đối tượng khác trong xã hội;

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc chấp hành pháp luật của công chức và người lao động trong ngành thống kê; chấp hành pháp luật thống kê của các đối tượng cung cấp, sử dụng thông tin thống kê nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng thông tin thống kê góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực thống kê, đồng thời làm tăng thêm niềm tin của người sử dụng vào thông tin thống kê.

##### **2. Yêu cầu**

- Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền kiến thức thống kê cần bám sát các văn bản quy phạm pháp luật và quy định về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thống kê, nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Chương trình điều tra thống kê quốc gia... đồng thời bám sát nhiệm vụ chính trị trọng tâm của ngành Thống kê từng giai đoạn;

- Đa dạng hoá các hình thức, bảo đảm sự kết hợp hài hoà giữa hình thức phổ biến, giáo dục và tuyên truyền kiến thức thống kê với những hình thức mới đang được áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn. Lựa chọn nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền kiến thức thống kê phù hợp với từng đối tượng, địa bàn. Chú trọng phổ biến, giáo dục và tuyên truyền cho các đối tượng cung cấp thông tin cho Hệ thống thống kê Nhà nước;

- Đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện, phù hợp, hiệu quả. Đảm bảo các nhóm đối tượng được phổ biến, giáo dục và tuyên truyền kiến thức thống kê nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ trong việc chấp hành pháp luật về thống kê nhằm mục đích nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thống kê trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân;

- Gắn giáo dục pháp luật với giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện ý thức tự giác tìm hiểu, chấp hành pháp luật trong công chức và người lao động của ngành Thống kê. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền phải tiến hành đồng bộ với việc tổ chức thực hiện pháp luật và công tác chuyên môn;

- Công chức ngành Thống kê nắm vững pháp luật và kiến thức thống kê, luôn có ý thức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục và tuyên truyền kiến thức thống kê đến các đối tượng phù hợp.

### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, đơn vị, người làm công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bao gồm:

- a) Cục Thống kê tỉnh;
- b) Các sở, ban, ngành;
- c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh (gọi chung là đối tượng sử dụng thông tin thống kê).

### **Điều 4. Nguyên tắc phổ biến thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh**

1. Phổ biến thông tin thống kê nhà nước phải tiến hành có tổ chức, theo quy định của pháp luật, chính sách phổ biến thông tin thống kê nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Có sự phân công, phân cấp, rõ ràng; xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các hoạt động phổ biến thông tin thống kê.

2. Bảo đảm thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh thu thập, tổng hợp được phổ biến kịp thời, đầy đủ, khách quan, minh bạch và phù hợp với nhu cầu sử dụng thông tin thống kê nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm việc tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thống kê nhà nước đã phổ biến được dễ dàng, thuận tiện, bình đẳng và hiệu quả. Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng hiện có về nguồn thông tin thống kê và các nguồn lực khác.

### **Điều 5. Loại thông tin thống kê phổ biến**

1. Cục Thống kê có trách nhiệm phổ biến những thông tin thống kê sau:

a) Thông tin thống kê theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, điều 6, Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

b) Kết quả các cuộc điều tra thống kê được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm phổ biến những thông tin thống kê chủ yếu sau đây:

a) Kết quả các cuộc điều tra thống kê được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện;

b) Các thông tin thống kê thuộc đơn vị quản lý: báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; kế hoạch hàng năm, 5 năm; báo cáo chuyên đề, đột xuất; quy hoạch; thông tin, số liệu thống kê khác thuộc chức năng, nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và phổ biến (trừ các thông tin thống kê quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, Hệ thống chỉ

tiêu thống kê cấp xã khi chưa được Cục Thống kê công bố);

c) Các thông tin thống kê nhà nước khác đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố.

#### **Điều 6. Những thông tin thống kê nghiêm cấm phổ biến**

1. Thông tin thống kê thuộc Danh mục bí mật Nhà nước.

2. Thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của tổ chức, cá nhân chưa được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho phổ biến.

3. Thông tin thống kê không bảo đảm chất lượng quy định và những thông tin thống kê đã bị làm sai lệch.

4. Thông tin thống kê phục vụ lợi ích riêng của các tổ chức, cá nhân gây phương hại tới lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng hoặc lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

### **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 7. Xác định đối tượng sử dụng thông tin thống kê và phương thức phổ biến thông tin thống kê**

1. Đối tượng sử dụng thông tin thống kê là cơ quan, tổ chức, cá nhân đã, đang sử dụng hoặc có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê nói chung và thông tin thống kê do Cục Thống kê; các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phổ biến nói riêng.

2. Phương thức phổ biến thông tin thống kê của Cục Thống kê:

a) Phổ biến thông tin thống kê trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để tất cả các đối tượng đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng miễn phí các thông tin thống kê này;

b) Việc phổ biến thông tin thống kê dưới dạng ấn phẩm in trên giấy hoặc bằng các vật mang tin điện tử như đĩa DVD, CD-ROM và các vật mang tin điện tử khác do Cục trưởng Cục Thống kê quy định hàng năm và theo từng loại thông tin, sản phẩm thông tin thống kê phổ biến trong năm;

c) Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không thuộc đối tượng được Cục trưởng Cục Thống kê quy định nếu có nhu cầu sử dụng thông tin in trên giấy hoặc bằng vật mang tin điện tử do Cục Thống kê phổ biến thì phải đăng ký và chi trả chi phí in ấn, sao in và những chi phí khác phát sinh theo quy định.

3. Phương thức phổ biến thông tin thống kê của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Phổ biến thông tin thống kê trên trang thông tin điện tử của các đơn vị (đối với các đơn vị có trang thông tin điện tử) hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để tất cả các đối tượng đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng miễn phí các thông tin thống kê này;

b) Cung cấp cho Cục Thống kê tỉnh dưới dạng ấn phẩm in trên giấy hoặc bằng các vật mang tin điện tử như đĩa DVD, CD-ROM và các vật mang tin điện tử khác để Cục Thống kê tổng hợp, biên soạn, công bố và phổ biến chung toàn tỉnh.

4. Cục trưởng Cục Thống kê, thủ trưởng các sở, ban, ngành và Ủy ban

nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế và loại thông tin thống kê để quy định thêm các hình thức phổ biến thông tin thống kê khác như: Hộp báo; ra thông cáo báo chí; tổ chức thư viện, phòng đọc thống kê và trung tâm giới thiệu sản phẩm thông tin thống kê; sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện truyền thông và các hình thức phổ biến thông tin thống kê khác.

#### **Điều 8. Xây dựng Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê**

1. Sản phẩm thông tin thống kê là kết quả của hoạt động thống kê, bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó thể hiện dưới dạng văn bản in trên giấy hoặc dưới dạng thông tin điện tử.

2. Việc xây dựng Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê phải đáp ứng các mục đích, yêu cầu chủ yếu sau đây:

a) Số lượng, chủng loại sản phẩm thông tin phải đa dạng, phù hợp với từng loại tin và đối tượng sử dụng thông tin, hợp thành hệ thống sản phẩm thông tin thống kê thống nhất, đồng bộ, thiết thực, khả thi và hiệu quả; hàng năm phải tiến hành rà soát, bổ sung hoàn thiện;

b) Thông tin trong mỗi sản phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng: Tính phù hợp, tính kịp thời, tính chính xác, khả năng giải thích, tính so sánh, tính thống nhất và các tiêu chuẩn chất lượng khác;

c) Định dạng sản phẩm, tên sản phẩm, hệ thống chỉ tiêu, thiết kế bảng biểu, ngôn ngữ biên soạn phải được chuẩn hóa.

3. Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh được xây dựng hàng năm, bao gồm: Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê của Cục Thống kê, của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

4. Trên cơ sở hệ thống sản phẩm thông tin thống kê đã xây dựng, hàng năm tiến hành lập danh mục sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu. Mỗi sản phẩm trong danh mục cần bao gồm các thông tin cơ bản sau:

- (1) Tên sản phẩm;
- (2) Nội dung chủ yếu;
- (3) Mức độ hoàn chỉnh của thông tin (ước tính, sơ bộ hay chính thức);
- (4) Định dạng sản phẩm (dạng văn bản in trên giấy hay dạng thông tin điện tử);
- (5) Ngôn ngữ biên soạn;
- (6) Thời điểm phổ biến;
- (7) Hình thức phổ biến;
- (8) Đơn vị chịu trách nhiệm phổ biến;
- (9) Các thông tin cơ bản khác.

5. Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành danh mục sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu sẽ biên soạn, phổ biến trong năm kế tiếp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Cục Thống kê) để tổng hợp chung đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử của các đơn vị *(đối với các đơn vị có trang thông tin điện tử)* hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trên cơ sở danh mục sản phẩm thông tin thống kê của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố biên soạn, phổ biến

trong năm kế tiếp, Cục Thống kê tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 11 hàng năm và thông báo công khai rộng rãi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết; đồng thời làm căn cứ theo dõi đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện.

7. Sau 6 tháng đầu năm thực hiện kế hoạch phổ biến thông tin thống kê hàng năm, Cục Thống kê; các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải rà soát tiến độ thực hiện; nếu có điều chỉnh, bổ sung phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Cục Thống kê) và thông báo kịp thời để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng biết; cuối năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện.

## **Điều 9. Xây dựng và công bố công khai lịch phổ biến thông tin thống kê**

1. Lịch phổ biến thông tin thống kê là thời gian biểu ấn định việc phổ biến thông tin thống kê do cơ quan, tổ chức thống kê hoặc cơ quan, tổ chức phổ biến thông tin thống kê soạn thảo và công bố, được dùng làm căn cứ để tiến hành hoạt động phổ biến thông tin thống kê và giúp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết trước để chủ động tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng hoàn chỉnh lịch phổ biến thông tin thống kê báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Cục Thống kê) và công bố công khai lịch phổ biến đối với những thông tin thống kê phổ biến trong năm kế tiếp. Trong lịch phổ biến thông tin thống kê này, ngoài thời gian biểu phổ biến còn phải thông báo đầy đủ các thông tin cơ bản khác như: Loại thông tin, mức độ hoàn chỉnh của thông tin (*ước tính, sơ bộ, chính thức*); thời gian và hình thức phổ biến, đơn vị chịu trách nhiệm phổ biến.

Trong lịch phổ biến thông tin thống kê hàng năm Cục Thống kê, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện thành phố phải bảo đảm thực hiện nghiêm túc thời hạn phổ biến những thông tin thống kê thuộc trách nhiệm của đơn vị.

3. Trên cơ sở lịch phổ biến thông tin thống kê của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, phổ biến trong năm kế tiếp, Cục Thống kê tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 12 hàng năm đồng thời thông báo công khai rộng rãi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết.

4. Trong trường hợp một số thông tin thống kê cần phổ biến sớm hơn lịch phổ biến thông tin của tỉnh và của các Bộ, ngành quy định, các sở, ban, ngành phải gửi những thông tin thống kê cần phổ biến trước thời hạn tới đơn vị chức năng để thẩm định và chỉ tiến hành phổ biến những thông tin này khi được phê duyệt theo quy định.

5. Ngoài những thông tin thống kê đã được quy định thời hạn phổ biến, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm căn cứ vào nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó có nhu cầu tổng hợp chung của đơn vị để quy định lịch phổ biến các thông tin thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc chức năng, nhiệm vụ phổ

biên đơn vị.

6. Sau 6 tháng đầu năm triển khai thực hiện lịch phổ biến thông tin hàng năm, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phải rà soát tiến độ thực hiện; nếu có bổ sung, điều chỉnh phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê; cuối năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm thực hiện**

Cục trưởng Cục Thống kê; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế này; đồng thời phổ biến tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan để phối hợp thực hiện. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm kịp thời.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Cục Thống kê) để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./. HL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Hoàng**